

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/DS-ST

Ngày: 23-9-2020

“V/v Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn To

2. Ông Nguyễn Văn Nô

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trịnh Hữu Lợi - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST- DS ngày 24/4/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐXXST-DS ngày 24/8/2020 và thông báo dời phiên tòa số 664/TB- TA ngày 16/9/2020 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1969; (có mặt)

1.2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/6/2020; có mặt

2. Đồng bị đơn:

- 2.1. Bà Lê Ngọc A, sinh năm 1958;
- 2.2. Ông Tạ Thái T, sinh năm 1949;
- 2.3. Anh Tạ Anh H, sinh năm 1983;
- 2.4. Anh Tạ Anh K (K), sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 143, Tôn Đức Thắng, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Địa chỉ cơ sở kinh doanh: Số 52A Thoại Ngọc Hầu, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A ông T và anh K: Anh Tạ Anh H, sinh năm 1983. Nơi cư trú tại: Số 143, Tôn Đức Thắng, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 05/6/2020 và ngày 08/6/2020); có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lôi Văn Đ, Văn phòng luật sư Hùng Đ, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ: Số 368 Cự Trì, phường A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đồng nguyên đơn ông Đinh Văn N, bà Phạm Thị H trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2020, chúng tôi yêu cầu bà Lê Ngọc A, ông Lê Thái T, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K phải có trách nhiệm liên đới trả cho chúng tôi số tiền 2.030.000.000 đồng. Sau khi chúng tôi khởi kiện thì anh Tạ Anh H có trả cho chúng tôi bằng hình thức chuyển khoản được 40.000.000 đồng, cụ thể trả lần 1 vào ngày 15/3/2020: 20.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 15/4/2020: 20.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Như vậy, hiện nay bà Lê Ngọc A, ông Lê Thái T, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K còn nợ lại chúng tôi 1.990.000.000 đồng. Yêu cầu bà Lê Ngọc A, ông Lê Thái T, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K có trách nhiệm liên đới trả ngay cho chúng tôi số tiền còn nợ nói trên. Về lãi suất không yêu cầu tính đối với đồng bị đơn.

Bị đơn anh Tạ Anh H cũng là người đại diện cho đồng bị đơn trình bày:

Ông Lê Thái T, bà Lê Ngọc A là cha mẹ tôi, Tạ Anh K là em ruột tôi. Chúng tôi với ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H không có họ hàng thân thích, chỉ quen biết trong việc làm ăn với nhau.

Gia đình chúng tôi có lập DNTN nhựa Hoàn C do Tạ Anh K làm giám đốc, chúng tôi trực tiếp quản lý, điều hành việc kinh doanh. Chúng tôi với ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H làm ăn khoản 20 năm, từ năm 2000 thì vợ chồng ông N với bà H chở hàng thuê cho chúng tôi, đến cuối năm 1018 chúng tôi mua phế liệu của vợ chồng ông N. Quá trình mua bán chúng tôi đều thực hiện tốt việc thanh toán với nhau cho đến đầu năm 2020 thì do làm ăn thua lỗ không còn khả năng thanh toán nợ cho ông N bà H. Tính đến ngày 07/3/2020 thì tổng số nợ mà chúng tôi nợ ông N bà H là 2.030.000.000 đồng và Anh H có ký tên tờ xác nhận nợ ngày 07/3/2020 và trước đó chúng tôi cũng có ký xác nhận tiền hàng và nợ, sau đó Anh H có trả cho ông N bà H bằng hình thức chuyển khoản được 40.000.000 đồng (lần 1 vào ngày 15/3/2020: 20.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 15/4/2020: 20.000.000 đồng) thì ngưng cho đến nay, số tiền chúng tôi nợ còn lại ông N với bà H 1.990.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, doanh nghiệp đã ngưng hoạt động, không còn khả năng thanh toán một lần cho ông N bà H. Yêu cầu được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng từ tháng 6/2020 đến tháng 11/2020, sau đó thì chúng tôi sẽ trả mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Luật sư Lôi Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì phía bị đơn đã thừa nhận toàn bộ số nợ.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố: Giấy ký nhận nợ ngày 07/3/2020 của anh Tạ Anh H, giấy mượn tiền ngày 21/01/2020 do bà Lê Ngọc A ký tên, đơn xin miễn án phí của ông T bà A đề ngày 26/6/2020.

Tại phiên tòa, ông N và anh H giữ nguyên yêu cầu và quan điểm.

Ông N và anh H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, ông N và anh H thống nhất có hợp đồng mua bán tài sản với nhau, đôi bên có ký xác nhận công nợ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận. Vì vậy yêu cầu của đồng nguyên đơn với đồng bị đơn là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn, buộc các đồng bị đơn gồm ông T, bà A anh H và anh K phải có nghĩa vụ trả cho đồng nguyên đơn với tổng số tiền là 1.990.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên. Đồng nguyên đơn khởi kiện đồng bị đơn bà Lê Ngọc A, sinh năm 1958; ông Tạ Thái T, sinh năm 1949; anh Tạ Anh H, sinh năm 1983; anh Tạ Anh K, sinh năm 1988; cùng địa chỉ cư trú: Số 143, Tôn Đức Thắng, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Địa chỉ cơ sở kinh doanh: Số 52A Thoại Ngọc Hầu, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị H vắng mặt nhưng có Hợp đồng ủy quyền cho ông Đinh Văn N làm đại diện, bà Lê Ngọc A, ông Tạ Thái T và anh Tạ Anh K vắng mặt, nhưng có giấy ủy quyền cho anh Tạ Anh H làm đại diện. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H với bà Lê Ngọc A ông Tạ Thái T, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K, đôi bên có ký biên nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận được pháp luật xem xét và bảo vệ.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở trình bày của đôi bên thể hiện ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H có Hợp đồng mua bán với bà Lê Ngọc A ông Tạ Thái T, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K.

Gia đình bà A, ông T có lập DNTN nhựa Hoàn C do Tạ Anh K làm giám đốc và trực tiếp quản lý, điều hành việc kinh doanh DNTN Hoàng C với ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H làm ăn mua bán phế liệu khoản năm 2018 đến nay. Quá

trình mua bán hai bên đều thực hiện tốt việc thanh toán với nhau cho đến đầu năm 2020 thì doanh nghiệp Hoàng C do làm ăn thua lỗ không còn khả năng thanh toán nợ cho ông N và bà H. Tính đến ngày 07/3/2020 thì tổng số nợ mà doanh nghiệp Hoàng C nợ ông N bà H là 2.030.000.000 đồng, anh H có ký tên tờ xác nhận nợ ngày 07/3/2020 và trước đó anh H cũng có ký xác nhận tiền hàng và nợ, sau đó anh H có trả cho ông N bà H bằng hình thức chuyển khoản được 40.000.000 đồng (lần 1 vào ngày 15/3/2020: 20.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 15/4/2020: 20.000.000 đồng) thì ngưng cho đến nay, số tiền doanh nghiệp Hoàng C còn nợ lại ông N, bà H 1.990.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, doanh nghiệp đã ngưng hoạt động, không còn khả năng thanh toán một lần cho ông N bà H. Đại diện bị đơn Yêu cầu được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng từ tháng 6/2020 đến tháng 11/2020, sau đó thì bị đơn sẽ trả mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Phía nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu đồng bị đơn phải trả một lần dứt nợ.

Ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu và ý kiến luật sư đề nghị chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Như vậy đã có đủ căn cứ cho thấy việc giao dịch Hợp đồng mua bán phế liệu giữa các đồng nguyên đơn với các đồng bị đơn xảy ra trong thời gian dài trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận với nhau. Các đồng bị đơn thừa nhận đến nay còn nợ lại đồng nguyên đơn tiền mua phế liệu tổng cộng là 1.990.000.000 đồng, cho thấy đồng bị đơn hoàn toàn có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với đồng nguyên đơn, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của đồng nguyên đơn. Nay ông Đinh Văn N yêu cầu các đồng bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho đồng nguyên đơn số tiền 1.990.000.000 đồng là hoàn toàn hợp lý, có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Tạ Thái T, bà Lê Ngọc A, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K có lỗi với ông Đinh Văn N và bà Phạm Thị H.

Lẽ ra ông Tạ Thái T và Bà Lê Ngọc A phải chịu án phí theo quy định nhưng ông T với bà Ngọc A có đơn đề ngày 26/6/2020 xin miễn tiền án phí với lý do người cao tuổi nên ông T với bà A được miễn toàn bộ tiền án phí;

Đối với anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K phải liên đới chịu tiền án phí là 35.850.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Ông Đinh Văn N với bà Phạm Thị H được hoàn lại 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002314 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 430, 433, 440 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của Đinh Văn N với bà Phạm Thị H.

1. Buộc ông Tạ Thái T, bà Lê Ngọc A, anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K phải liên đới có nghĩa vụ trả cho Đinh Văn N với bà Phạm Thị H với số tiền mua bán phế liệu là 1.990.000.000 đồng (một tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

2. Về án phí DSST: Anh Tạ Anh H và anh Tạ Anh K phải liên đới chịu tiền án phí là 35.850.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Hoàn lại cho ông Đinh Văn N 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002314 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Ông Tạ Thái T với bà Lê Ngọc A được miễn toàn bộ tiền án phí;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,( đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thế Minh**